LUẬN THÀNH THẬT

QUYỂN 13

Phẩm 166: **NHỊ THIỀN**

Diệt trừ các giác quán, nội tịnh nhất tâm, không giác không quán, định sinh hỷ lạc tức thể nhập vào Thiền thứ hai.

Hỏi: Nếu cho rằng Thiền thứ hai diệt trừ giác quán, thì thiền thứ nhất chắc chắn có giác quán. Cũng tức như trong thiền thứ hai có hỷ, nên thiền thứ ba nói diệt hỷ?

Đáp: Như trong Thiền thứ nhất không căn khổ mà cũng cho rằng có căn khổ. Phương pháp diệt Thiền thứ hai cũng lại như vậy.

Hỏi: Trong thiền thứ nhất tuy không có căn khổ nhưng có các thức, các thức là nơi nương tựa của các gốc khổ. Cho nên nói thiền thứ nhất không diệt?

Đáp: Trong thiền thứ nhất tuy có các thức nhưng chẳng phải là chỗ nương tựa của căn khổ.

Hỏi: Tánh của năm thức là nơi nương tựa của căn khổ. Vì tánh giống nhau nên nói thiền thứ nhất có khổ?

Đáp: Nếu như vậy, thì căn ưu do từ tánh ý thức sinh nên tất cả nơi đều có.

Hỏi: Nay vì sao thuyết giảng diệt trừ căn khổ trong thiền thứ hai?

Đáp: Thiền thứ nhất gần với tâm bất định, thường sinh các thức trói buộc ở cõi Dục; ở trong ấy sinh căn khổ, cho nên không nói thiền thứ nhất diệt trừ khổ.

Hỏi: Như thế thiền thứ nhất cũng gần căn ưu. Căn ưu ấy cũng nên cho rằng như phương pháp diệt trừ của thiền thứ hai, thiền thứ ba?

Đáp: Căn ưu dựa vào dục, từ dựa vào dục nên sinh hỷ, được hỷ thanh tịnh thì diệt hỷ bất tịnh. Vì thế trong thiền thứ nhất không có căn ưu; dựa vào bất định sinh ra căn khổ. Thiền thứ nhất gần với tâm tán

loạn nên không gọi là diệt. Lại như thiền thứ ba không có khổ cũng nói là đoạn trừ khổ lạc, để nhập vào thiền thứ tư, việc này cũng vậy. Hành giả ở trong thiền thứ nhất định chưa đầy đủ, thường bị giác quán làm tán loạn, nên nói Thiền thứ hai diệt trừ các giác quán.

Nội tịnh là thiền thứ hai, giữ gìn tâm thâm sâu nên tâm tán loạn chẳng xen lẫn vào được, vì trong tâm không tán loạn nên gọi là nội tịnh. Thể của thiền thứ hai là nhất tâm. Không giác không quán gọi là nhất tâm, tâm thực hành một đạo cũng gọi là thiền tức là nội tịnh. Chứng được định sâu xa này nên giác quán không sinh, chẳng phải như ở thiền thứ nhất, tâm thường có giác quán. Vì thế nên gọi đây là không giác không quán.

Định sinh hỷ lạc là thiền thứ nhất vì xa lìa nên đắc được hỷ. Ở trong đó vì thành tựu được định, nên được hỷ, gọi là định sinh.

Hỏi: Hỷ trong thiền thứ nhất và hỷ trong thiền thứ hai có gì sai khác.

Đáp: Thiền thứ nhất vì diệt ưu nên được hỷ, thiền thứ hai vì diệt khổ nên được hỷ. Lại nữa, hỷ trong thiền thứ nhất trái với hỷ bất tịnh mà được, hỷ trong thiền thứ hai trái với hỷ tịnh mà được, tuy đều do nhân duyên ái nên được hỷ mà hỷ trong thiền thứ nhất rất yếu.

Hỏi: Nghĩa như thế là hữu lậu hay vô lậu?

Đáp: Đều là hữu lậu, có tâm ngã là có hỷ. Nếu tâm vô lậu thì không có ngã, không có ngã nên không có hỷ.

Hỏi: Vô lậu không có hỷ là điều không đúng. Trong bảy giác chi Đức Phật dạy là hỷ giác phần. Giác phần chỉ là vô lậu, cho nên biết có hỷ vô lậu. Lại nữa, trong kinh dạy: "Người có tâm hỷ thì thân được khinh an, thân được khinh an thì thọ nhận lạc. Nếu không có tâm hỷ vô lậu thì cũng nên không có lạc khinh an vô lậu. Đức Phật thấy Tăng chúng tu hành sâu xa pháp thiện thì sinh hoan hỷ, nên biết có hỷ vô lậu".

Đáp: Ông lấy bảy giác chi chứng minh có hỷ vô lậu, điều này chẳng đúng. Giác phần có hai thứ: Hữu lậu và vô lậu. Như trong kinh dạy: "Khi hành giả nghe pháp thường diệt trừ năm thứ ngăn che, thực hành bảy giác chi thì giác gọi là trí vô lậu. Nếu vì giác ngộ mà tu tập tất cả pháp quán bất thiện, thì đều gọi là giác phần. Ông nói cũng không nên có hỷ vô lậu ấy. Trước sinh hỷ sau mới được vô lậu, đó là như thật tri kiến. Lại chẳng phải tất cả sự khinh an đều là nhân nơi hỷ mà sinh ra. Như thiền thứ ba trở lên không có hỷ, cũng có khinh an. Lại chúng tôi không nói lìa trí mà riêng có pháp thọ. Trí vô lậu này lúc mới đến nơi

tâm, gọi là lạc, vì thế có lạc vô lậu, nhưng chẳng phải do hỷ sinh. Trong kinh dạy: "Diệt trừ các phần thô nặng của thân và tâm gọi là khinh an". Khi được vô lậu thì thân tâm điều hòa cho nên có vô lậu. Đức Phật do thường thực hành tâm xả nên nói Đức Phật có hỷ. Việc này cần phải rõ. Nếu người không có ngã và ngã sở thì không có hỷ. Nếu A-la-hán có hỷ cũng phải có ưu, nhưng thực ra không có ưu nên biết không có hỷ.

Hỏi: Như thiền thứ nhất, thứ hai có hỷ không ưu, A-la-hán cũng như vậy, có hỷ không có ưu là có lỗi gì?

Đáp: Trong các thiền định có ưu như trong nghĩa căn đã nói: "Ưu, hỷ cho đến Hữu đảnh, khổ vui tùy thân, cho đến thiền thứ tư. Lại hướng đến trong thiền thứ ba nói: "Lìa hỷ thực thực hành xả cho nên biết không có hỷ vô lậu. Nếu có tại sao nói xa lìa? Vả lại, tâm vô lậu không nên có hỷ. Vì hỷ nương vào giả danh, tưởng phân biệt mà có.

Hỏi: Nếu như thế, thiền thứ nhất và thứ hai không có thọ vô lậu? Trong kinh dạy: "Thiền thứ nhất và thứ hai chỉ có hỷ chưa có tâm". Hỷ này do đâu mà có?

Đáp: Hỷ này lìa tất cả hỷ mà không nói đến thiền vô lậu. Lại có kinh nói về thiền vô lậu. Đó là hành giả, do tướng gì, duyên gì mà vào thiền thứ nhất rồi chẳng nghĩ đến tướng ấy, duyên ấy, chỉ quán sắc, thọ, tưởng, hành, thức có trong thiền thứ nhất, như bệnh như ung nhọt cho đến vô ngã.

Hỏi: Như bệnh, như ung nhọt, như mũi tên đau nhức. Bốn điều này là thế gian thực hành, chẳng phải là vô lậu. Vì thế ông lấy kinh ấy làm chứng minh không thể thành lập được vô lậu.

Đáp: Bốn hành này đều là tên khác của khổ, nên gọi là vô lậu.

Hỏi: Bậc Học cũng không có hỷ vô lậu sao?

Đáp: Nếu tâm an trú ở đạo, khi ấy không có hỷ, ở tục thì có, bậc vô học thường không có.

Hỏi: Trong kinh dạy: "Nhờ tâm hỷ lạc có thể đắc bốn đế". Vì sao nói không có hỷ vô lậu?

Đáp: Tâm vô ngã gọi là lạc. Hành giả được tâm vô ngã, vì phá trừ điên đảo, biết chân thật nên tâm được an vui, không chỉ có hỷ. Kinh này giảng thuyết rõ không dùng hỷ mà có thể đắc thật trí, nên mới cho như thế.

Phẩm 167: **TAM THIỀN**

Xa lìa hỷ, thực hành xả, nhớ nghĩ trí tuệ an ổn, thân được lạc. Lạc này là lạc mà Thánh nhân cũng nói, cũng xả, nhớ nghĩ tu tập nhập được thiền thứ ba.

Hỏi: Tại sao xa lìa hỷ?

Đáp: Hành giả thấy hỷ thường trôi nổi nên xa lìa. Lại hỷ do tưởng phân biệt sinh. Hỷ là tướng thay đổi, từ trước đến nay khổ thường đuổi theo. Vì điều này nên xa lìa. Hành giả được thiền thứ ba vắng lặng nên xả thiền thứ hai. Do hỷ sinh lạc cạn mỏng, lìa hỷ sinh lạc sâu đậm. Như người đối với vợ con chẳng thường mừng, vì mừng từ tưởng phân biệt sinh, vì vui không do tưởng phân biệt sinh nên thường có. Hành giả cũng vậy. Hỷ mới đến cho là lạc, sau đó nhàm chán nên xa lìa.

Hỏi: Nếu người bị nóng làm bực bội thì lấy lạnh làm vui? Hành giả bị khổ gì bức não mà lấy thiền thứ ba làm vui?

Đáp: Hỷ trong thiền thứ hai là tướng lay động, như chông gai. Hành giả bị hỷ này làm khó chịu nên ở trong định không có hỷ mà sinh tâm lạc.

Hỏi: Tùy có khổ nóng liền lấy lạnh làm an vui. Nếu xa lìa được lạnh nóng thì chẳng có lạc. Hành giả, nếu xa lìa hỷ rồi, thì tại sao trong tam thiền còn sinh tâm lạc.

Đáp: Sinh lạc có hai loại: hoặc do còn khổ, như có khổ nóng thì lấy lạnh làm an lạc; hoặc do lìa khổ, như lìa kẻ oán ghét, như Đức Phật lìa Tỳ-kheo Câu-xá-di nói là Ta an lạc. Việc này cũng vậy, xa lìa được tướng động nên ở trong thiền thứ hai sinh lạc. Như trừ bỏ năm dục nên lấy thiền thứ nhất làm lạc.

Hành xả là vì xa lìa hỷ nên tâm được vắng lặng. Hành giả trước kia chấp chặt vào tâm hỷ nhiều tán loạn, nay xa lìa nên tâm ấy vắng lặng, vì thế gọi là tu tập tâm xả. Nhớ nghĩ, an tuệ là đối với lỗi trong hỷ, hai pháp này thường hoàn bị chẳng cho hỷ đến xen vào phá hoại. Nhớ nghĩ là nhớ nghĩ hỷ, an tuệ là thấy lỗi trong hỷ. Thọ thân lạc là xa lìa hỷ, tu tập xả, xả tức là lạc. Vì không vọng động tìm cầu vì lạc này chẳng do tưởng phân biệt sinh nên gọi là thân thọ lạc. Thánh nhân cũng nói cũng xả là nói tùy theo người thế gian nên gọi là lạc. Như nói tâm phi tưởng phi phi tưởng xứ vì chẳng tham đắm nên xả. Nhớ nghĩ tu tập lạc là người này biết xả, nghĩa là thấy lỗi của hỷ mà sinh nhàm chán xa lìa, vì thế được xả vi diệu. Nhớ nghĩ cũng vi diệu nghĩa là thường nhớ nghĩ lỗi của hỷ. Trong đây cũng nên nói an tuệ với nhớ nghĩ đồng hành nên không

nói ra. Lạc là vui đệ nhất. Cho nên Thánh nhân cũng nói cũng xả.

Hỏi: Trong thiền thứ ba có thọ lạc, tại sao nói xả lạc?

Đáp: Trong luận này không nói xa lìa thọ riêng biệt mà có xả lạc. Thọ lạc tức là xả lạc.

Hỏi: Nếu như vậy trong thiền thứ tư nên nói thọ lạc vì có xả?

Đáp: Tôi nói thiền thứ tư cũng có thọ lạc chỉ vì diệt lạc ở thiền thứ ba nên cho như thế.

Hỏi: Nếu tất cả đều là thọ lạc, tại sao thiền thứ nhất, và thứ hai gọi là hỷ, mà thiền thứ ba gọi là lạc?

Đáp: Vì tưởng phân biệt nên gọi là hỷ, không có tưởng phân biệt nên gọi là lạc. Hành giả ở trong thiền thứ ba tâm càng chuyên nhất. Không có tưởng phân biệt nên gọi là lạc. Lại do chứng được thiền thứ ba vắng lặng càng sâu xa nên gọi là lạc. Như nói tâm loạn động tìm cầu, Thánh nhân gọi đó là khổ. Động là phân biệt nói ở đây là lạc.